

Bản án số: 15 /2024/HS-ST

Ngày: 31 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* ông Hoàng Văn Thái.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Hiền và bà Trịnh Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Loan - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2024/TLST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Cao Minh P**; Tên gọi khác: không; sinh ngày: 05/12/1989, tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ H, khu T, phường C, thành phố C; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty M; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Cao Văn K và bà: Mạc Thị L; có vợ: Trần Thị Phương A, sinh năm 1989; có 03 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Đầu thú ngày 24/3/2023, tạm giữ đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

2. Họ và tên: **Vũ Văn C**; Tên gọi khác: không; sinh ngày: 29/11/1987, tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: tổ H, khu T, phường C, thành phố C; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: phó Giám đốc Công ty M; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Vũ Văn C1 và bà: Lê Thị D; có vợ: Lê Thị N, sinh năm 1991; có 03 con: con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không. Đầu thú ngày 24/3/2023, tạm giữ đến ngày 31/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Thị Phương A**; tên gọi khác: không; sinh ngày 29/5/1989, tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: tổ H, khu T, phường C, thành phố C; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kế toán Công ty M; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Trần Quốc H và bà: Tạ Thị Ánh T; có chồng: Cao Minh P, sinh năm 1989; có 03 con: con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 24/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư

trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

4. Họ và tên: **Bùi Quang H1**; Tên gọi khác: không; sinh ngày: 04/12/1992, tại **huyện Q, tỉnh Thái Bình**; nơi cư trú: **tổ C, khu T, phường C, thành phố C**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nhân viên bán hàng của **Công ty M** - Giám đốc **Công ty Q1**; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: **Bùi Quang H2** và bà: **Nguyễn Thị Kim L1**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú 24/3/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

5. Họ và tên: **Phạm Thị P1**; tên gọi khác: không; sinh ngày 01/8/1993, tại **huyện V, tỉnh Thái Bình**; nơi cư trú: **tổ H, khu L, phường C, thành phố C**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kế toán **Công ty M**; trình độ văn hóa: 12/12; con ông **Phạm Hải A** và bà **Nguyễn Thị I**; có chồng: **Nguyễn Trọng Q**, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 24/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

6. Họ và tên: **Nguyễn Thu H3**; tên gọi khác: không; sinh ngày: 28/6/1997, tại **huyện B, tỉnh Hà Nam**; nơi cư trú: **Tổ B, khu F, phường C, thành phố C**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kế toán **Công ty Q1**; trình độ văn hóa: 12/12; con ông **Nguyễn Hồng S** và bà **Tống Thị T1**; có chồng: **Nguyễn Đức L2**, sinh năm 1993; có 01 con: sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/01/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 12 tháng tù về tội “Trốn Thuế” và tội “Mua bán trái phép hóa đơn”(bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Bị cáo đầu thú ngày 24/3/2023, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” - có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: **Chi cục thuế khu vực C3 - V - Cô T2**.

Trụ sở: **khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh**; người đại diện: ông **Hoàng Mạnh T3**; chức vụ: **đội trưởng đội kiểm tra thuế số 1, chi cục thuế khu vực C3 - V - C** – có đơn xin vắng mặt.

- Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Cao Văn K** - có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng: bà **Mạc Thị L**, bà **Tạ Thị Ánh T**, anh **Nguyễn Đức L2** (đều vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Công ty cổ phần M** (viết tắt là: **Công ty M**) có trụ sở tại **số F, đường N, phường Q, thành phố C**, do **Cao Minh P** làm giám đốc, **Vũ Văn C** làm phó giám đốc, kế toán trưởng là **Trần Thị Phương A**, **Phạm Thị P1** là kế toán, **Bùi Quang H1** là nhân viên bán hàng. Trong quá trình kinh doanh, **P** đã mua nhiều loại hàng không có hóa đơn nên **P, C, Phương A** và **H1** thành lập **Công ty Q1** và **Công ty Q1**, để mua hóa đơn khống, kê khai trốn thuế cho **Công ty M**. **P** hỏi mẹ đẻ là **Mạc Thị L** biết nguồn mua hóa đơn khống tại thành phố Hải Phòng, cũng thời

gian đó, có người (chưa rõ lai lịch) liên hệ với **Phương A** để bán hoá đơn khống. Từ năm 2020 đến tháng 3/2023, các **Công ty Q1** và **Quang H1** đã mua hóa đơn khống đầu vào của 05 công ty: **Công ty T4**, **Công ty B**, **Công ty H6**, **Công ty C4** và **Công ty V**. Sau đó xuất hoá đơn khống cho **Công ty M** để bán hàng và kê khai chứng từ trốn thuế. **Phương A** thỏa thuận giá mua hóa đơn khống với người bán từ 08-10%. Sau khi **P** mua hàng hóa không có hóa đơn, sẽ đưa lại danh sách cho **Phương A**. **Phương A** bảo **P1**, **H3** lập danh sách những loại hàng cần mua hoá đơn rồi gửi đến công ty bán hóa đơn khống. Sau khi nhận được hoá đơn khống, **Phương A** bảo **H3** xuất hóa đơn khống từ **Công ty Q1** hoặc **Quang Huy** tới **Công ty M**, sử dụng để kê khai trốn thuế. Để thanh toán tiền mua bán hóa đơn khống thì **P** ký ủy nhiệm chi để kế toán chuyển tiền từ **Công ty M** đến **Công ty Q1**. Sau đó, **H1** ký ủy nhiệm chi để chuyển tiền từ **Công ty Q1**, **Quang H1** đến các công ty bán hóa đơn khống. Các công ty này sẽ tự giữ lại phần tiền được hưởng (từ 8-10%), còn lại chuyển cho **Phương A** vào tài khoản mang tên **Tạ Thị Ánh T** (mẹ đẻ của **Phương A**) do **Phương A** sử dụng, hoặc chuyển khoản lại toàn bộ và lấy tiền mặt từ **Phương A**. Từ tháng 5/2020 đến tháng 11/2022, **P** cùng đồng phạm đã sử dụng **Công ty Q1** để mua khống 119 số hoá đơn của **Công ty T4**, **Công ty B**, **Công ty C4**, rồi xuất khống 320 số hóa đơn cho **Công ty M**, để hợp thức đầu vào hàng hóa mua trôi nổi bán ra thị trường, kê khai chứng từ trốn thuế **8.360.266.908** đồng. Từ tháng 5/2022 đến tháng 3/2023, **P** cùng đồng phạm đã sử dụng **Công ty Q1** để mua khống 52 số hoá đơn của **Công ty C4**, **Công ty H6** và **Công ty V**, rồi xuất khống 103 số hóa đơn cho **Công ty M**, để hợp thức đầu vào hàng hóa mua trôi nổi bán ra thị trường, kê khai chứng từ trốn thuế **1.366.443.898** đồng.

Tại các bản kết luận ngày 08/5/2023, 03/10/2023, 15/11/2023, 23/11/2023 26/12/2023 của **Cục thuế tỉnh Q** kết luận:

- **Công ty M** sử dụng 103 số hóa đơn GTGT khống của **Công ty Q1** và 320 số hóa đơn GTGT khống của **Công ty Q1** để hợp thức hóa đầu vào cho hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường, kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến làm giảm số thuế GTGT phải nộp là **9.726.710.806** đồng.
- **Công ty Q1** đã mua 119 số hóa đơn khống để sử dụng và kê khai thuế, sau đó lập khống 320 số hóa đơn đầu ra bán cho **Công ty M**, khai khống thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, không xác định hành vi trốn thuế. Việc **Công ty Q1** xuất các hóa đơn bán hàng cho các công ty khác, có hàng hóa kèm theo, là hàng không có nguồn gốc của **Công ty M** là hành vi trốn thuế, nhưng không có căn cứ xác định số tiền thuế trốn.
- **Công ty Q1** đã mua 52 số hóa đơn khống để sử dụng và kê khai thuế, sau đó lập khống 103 số hóa đơn đầu ra bán cho **công ty M**, khai khống thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp không có doanh thu, không có tiền thuế. Việc **Công ty Q1** xuất các hóa đơn bán hàng cho các công ty khác, có hàng hóa kèm theo, là hàng không có nguồn gốc của **Công ty M** là hành vi trốn thuế, nhưng không có căn cứ xác định số tiền thuế trốn.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Thu giữ tại kho hàng của Công ty M ở tổ C, khu T, phường C và tổ D, khu A, phường Q, thành phố C: 4.911 loại hàng, trong đó xác định có 4.161 loại hàng có hóa đơn chứng từ hợp pháp, đã trả lại cho Công ty M. Còn lại 750 loại hàng không có hóa đơn chứng từ - chuyển Công an thành phố C giải quyết theo thẩm quyền.

- Trần Thị Phương A giao nộp:

+ 01 dấu Công ty M, 01 dấu “giám đốc Cao Minh P”, 01 dấu “phó giám đốc Vũ Văn C”, 01 dấu “kế toán trưởng Trần Thị Phương A”, 01 dấu “Trần Thị Phương A” - Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty M các dấu này.

+ 01 dấu của Công ty cổ phần Đ1 vật tư thiết bị mô, 01 dấu “giám đốc Mạc Thị L” - Cơ quan điều tra đã chuyển 02 dấu này sang vụ án: Mạc Thị L phạm tội “Trốn thuế”, “Mua bán trái phép hóa đơn”.

+ 01 điện thoại Iphone 13 Promax, có gắn sim; 06 cây máy tính để bàn - Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty M 05 cây máy tính.

- Phạm Thị P1 giao nộp: 01 dấu của Công ty Q1, 01 dấu “giám đốc Bùi Quang H1”, 01 dấu “KT. giám đốc phó giám đốc”, 01 điện thoại Iphone 11 Promax có gắn sim, 01 USB token - Cơ quan điều tra đã trả lại USB token cho Công ty M.

- Nguyễn Thu H3 giao nộp: 01 USB token của Công ty Q1, 01 dấu Công ty Q1, 01 dấu “giám đốc Bùi Quang H1”, 02 cây máy tính để bàn và 01 máy tính xách tay dạng gập hiệu HP. Đối với 01 máy tính xách tay Cơ quan điều tra đã chuyển sang vụ án: Mạc Thị L phạm tội “Trốn thuế”, “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Cao Minh P giao nộp: 02 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 Plus và 13 promax có gắn sim.

- Vũ Văn C giao nộp 02 điện thoại nhãn hiệu 13 Promax và 6s có gắn sim - Cơ quan điều tra đã trả lại cho C.

- Bùi Quang H1 giao nộp 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 có gắn sim.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Cao Minh P, Vũ Văn C, Trần Thị Phương A, Bùi Quang H1, Phạm Thị P1, Nguyễn Thu H3 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Đến ngày 30/01/2024, các bị cáo Cao Minh P, Vũ Văn C, Trần Thị Phương A, Bùi Quang H1, Phạm Thị P1, Nguyễn Thu H3 đã cùng nhau nộp số tiền 9.726.710.806 đồng tại kho bạc nhà nước thành phố C để Công ty M kê khai bổ sung tại Chi cục thuế khu vực C3 - V - C để khắc phục hậu quả.

- Đại diện Nguyên đơn dân sự, ông Hoàng Mạnh T3 - Đại diện Chi cục Thuế khu vực C3 - V - Cô T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra và đơn xin vắng mặt thể hiện nội dung như sau khai: theo kết luận giám định bổ sung lần 2 ngày 26/12/2023 của Cục thuế tỉnh Q, tổng số tiền thuế GTGT Công ty cổ phần M trốn, số tiền là 9.726.710.806 đồng . Yêu cầu Công ty M – Mã số thuế 5701936942 phải có trách nhiệm nộp số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã nộp đủ số tiền trốn thuế 9.726.710.806 đồng vào Ngân sách nhà nước, nên Chi cục thuế không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông **Cao Văn K** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra: ông là cổ đông góp vốn với **Công ty M**, việc điều hành công ty là do **P**, ông **K** không biết và cũng không tham gia vào việc mua bán hóa đơn khống để kê khai trốn thuế.

- Người làm chứng bà **Mạc Thị L** và bà **Tạ Thị Ánh T** có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện: bà lý có công ty kinh doanh thiết bị vật tư phụ tùng máy mỏ và đã mua hóa đơn khống để hợp thức hóa nguồn hàng. Năm 2020, **Phương A** hỏi **L** địa chỉ mua hóa đơn khống, sau đó **L** cho số điện thoại của **Phương A** cho người bán hóa đơn khống, còn việc mua bán hóa đơn khống như nào thì **L** không biết; bà **T** khai: Bà là mẹ đẻ của **Phương A**, bà **T** đã mở giúp **Phương A** 02 tài khoản tại ngân hàng **A1** và **B1**, đứng tên của bà **T**, nhưng sau đó 02 tài khoản này đều do **Phương A** sử dụng, bà không biết **Phương A** sử dụng hai tài khoản này làm việc gì và cũng không biết gì về việc kinh doanh của **Phương A**.

Ngoài ra quá trình điều tra xác định các Công ty: Hùng Mạnh, **Cao C2**, **B**, **Tổng Nam H4** và **V** đều xác định các công ty trên không có thật, không có trụ sở tại nơi đăng ký kinh doanh, những người có tên trong giấy đăng ký kinh doanh đều không biết và không liên quan gì đến các công ty này.

Bản cáo trạng số 02/CT - VKSCP ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo **Cao Minh P**, **Vũ Văn C**, **Trần Thị Phương A**, **Bùi Quang H1**, **Phạm Thị P1** và **Nguyễn Thu H3** về tội: “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 (định tội tại điểm d khoản 1) Điều 200 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đưa ra những chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 3 (định khung tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt **Cao Minh P** từ 24-27 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng.

+ Xử phạt **Vũ Văn C** từ 21-24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 42 đến 48 tháng.

+ Xử phạt **Trần Thị Phương A**, từ 18-21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng.

+ Xử phạt **Bùi Quang H1**, từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 3 (định khung tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt **Phạm Thị P1** từ 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 3 (định khung tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt **Nguyễn Thu H3** từ 06-09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Giao các bị cáo Cao Minh P, Vũ Văn C và Trần Thị Phương A cho Ủy ban nhân dân phường C; bị cáo Bùi Quang H1 cho Ủy ban nhân dân phường C; bị cáo P1 cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng
- Về trách nhiệm dân sự: không đề cập giải quyết, vì các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền trốn thuế vào ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy 01 dấu “giám đốc Bùi Quang H1”, 01 dấu “KT. giám đốc phó giám đốc”, 01 USB token của Công ty Q1, 01 dấu Công ty Q1. Trả lại cho Công ty M 03 cây máy tính để bàn; trả lại cho P 02 điện thoại Iphone 8 Plus và 13 promax có gắn sim; Phương A 01 điện thoại Iphone 13 Promax, có gắn sim; H1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 có gắn sim; P1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11Promax, có gắn sim. Trả lại cho Công ty Q1 01 dấu của Công ty Q1, 01 dấu “giám đốc Bùi Quang H1”.

Các bị cáo thừa nhận việc bị khởi tố, truy tố và đưa ra xét xử là đúng, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* tại cơ quan điều tra và phiên tòa các bị cáo Cao Minh P, Vũ Văn C, Trần Thị Phương A, Bùi Quang H1, Phạm Thị P1 và Nguyễn Thu H3 khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, phù hợp với 423 hóa đơn giá trị gia tăng và các tờ khai thuế giá trị gia tăng của Công ty cổ phần M; phù hợp với các bản kết luận ngày 08/5/2023, 03/10/2023, 15/11/2023, 23/11/2023, 26/12/2023 của Cục thuế tỉnh Q; lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của Nguyên đơn dân sự về các mốc thời gian trốn thuế; phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập và củng cố. Trên cơ sở đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra và được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, đủ cơ sở kết luận: Công ty M do Cao Minh P làm giám đốc, Vũ Văn C làm

phó giám đốc, **Trần Phương A** là kế toán trưởng, **Phạm Thị P1** làm kế toán và các **Công ty Q1**, **Quang H1** do **Bùi Quang H1** làm giám đốc, **Nguyễn Thu H3** làm kế toán, có trụ ở tại **phường Q và phường C, thành phố C**. Từ tháng 5/2020 đến tháng 3/2023, **P** cùng đồng phạm đã sử dụng **Công ty Q1** và **Quang H1** mua tổng số 171 số hoá đơn GTGT không của 05 Công ty, trong đó: 30 số của **Công ty T4**, 60 số của **Công ty B**, 33 số của **Công ty C4**, 42 số của **công ty H6**, 06 số của **công ty V** rồi xuất không tổng số 423 hóa đơn GTGT cho **Công ty M** để kê khai khấu trừ thuế GTGT, trốn thuế **9.726.710.806 đồng**. Hành vi nêu trên của các bị cáo **Cao Minh P**, **Vũ Văn C**, **Trần Thị Phương A**, **Bùi Quang H1**, **Phạm Thị P1** và **Nguyễn Thu H3** đã phạm vào tội “Trốn thuế” quy định tại khoản 3 (định khung tại điểm d khoản 1) Điều 200 BLHS như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đã truy tố đối với các bị cáo, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo **Cao Minh P** và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quy định của nhà nước về Thuế, lợi ích của nhà nước trong việc thu thuế, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là người đã trưởng thành, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhận thức rõ được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với việc xâm phạm đến quy định của nhà nước về Thuế. Nhưng do ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo kém, tham lam tư lợi, đã dẫn các bị cáo đến phạm tội. Bị cáo **P** là giám đốc, bị cáo **C** là phó giám đốc, bị cáo **Phương A** (vợ **P**) là kế toán trưởng, cùng các bị cáo **P1**, **H3**, **H1** hiểu rất rõ các quy định về Luật quản lý Thuế, Luật thuế giá trị gia tăng cũng như các văn bản pháp luật khác có liên quan đối với việc thu - nộp thuế của Nhà nước. Nhưng do mục đích vụ lợi, để hợp thức hóa nguồn gốc vật tư, phụ tùng mua trôi nổi trên thị trường và làm tăng chi phí cho **Công ty M**, mà **P** cùng đồng phạm đã cùng nhau mua không. Để thực hiện việc mua hóa đơn không và che giấu hành vi phạm tội của mình, tránh sự kiểm tra phát hiện của các cơ quan chức năng, **P** cùng đồng phạm đã thành lập **Công ty Q1** và **Công ty Q1** để mua hóa đơn không rồi xuất để cho **Công ty M** hợp thức số hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường, không có hóa đơn chứng từ. Từ tháng 5/2020 đến tháng 3/2023, **P** cùng đồng phạm đã sử dụng **Công ty Q1** và **Quang H1** mua tổng số 171 số hoá đơn GTGT không của 05 Công ty, trong đó: 30 số của **Công ty T4**, 60 số của **Công ty B**, 33 số của **Công ty C4**, 42 số của **công ty H6**, 06 số của **công ty V** rồi xuất không tổng số 423 hóa đơn GTGT cho **Công ty M** để kê khai khấu trừ thuế GTGT, trốn thuế 9.726.710.806 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước được pháp luật hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục riêng cũng như phòng ngừa chung tội phạm.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy:*

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: các bị cáo (trừ bị cáo **H3**) đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo sau khi phạm tội đã “đầu thú”; “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “tự nguyện khắc phục hậu quả” nên được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, kê khai bổ sung nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền đã trốn thuế là 9.726.710.806 nên có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được áp dụng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta. Có thể xem xét cho các bị cáo (trừ bị cáo **H3**) được cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, cũng như phòng ngừa chung tội phạm. Đối với bị cáo **H3**, có nhân thân xấu, ngày 26/01/2024, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xử phạt 12 tháng tù về các tội: “Trốn thuế”; “Mua bán trái phép hóa đơn” (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật), nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo **Cao Minh P** giữ vai trò đầu vụ, vì là người khởi xướng, rủ rê mọi người cùng tham gia và hưởng lợi ích cao nhất từ việc trốn thuế. Sau đó là vai trò của bị cáo **C**, vì đã cùng bàn bạc với **P** việc thành lập 02 **Công ty Q1** và **An Thành Đ**, là cổ đông góp vốn và được hưởng lợi ích từ việc **Công ty M** trốn thuế. Tiếp đến là vai trò của bị cáo **Phương A**, đã tiếp nhận ý chí của **P** thực hiện các thủ tục thành lập các **Công ty Q1** và **An Thành Đ**, chỉ đạo các kế toán **H3** và **P1** thực hiện việc mua hóa đơn khống. **H1** có vai trò sau bị cáo **Phương A** vì là người tiếp nhận ý chí của các bị can trên, thực hiện ký các thủ tục chứng từ trốn thuế, ngoài việc hưởng lương thì **H1** còn được hưởng thêm tiền làm giám đốc của 02 **Công ty Q1** và **Quang H1**. Cuối cùng là vai trò của các bị cáo **P1** và **H3**, làm theo chỉ đạo của **P** và **Phương A**, là người làm thuê, bản thân không được hưởng lợi nhuận mà chỉ có lương hàng tháng làm công việc kế toán cho Công ty - bao gồm cả việc tham gia mua khống hoá đơn để kê khai trốn thuế, vai trò không đáng kể, nên áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với **P1** và **H3**.

[4] **Về hình phạt bổ sung:** khoản 4 Điều 200 Bộ luật hình sự quy định, người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề. Xét thấy các bị cáo lần đầu phạm tội, tại phiên tòa đã thực sự ăn năn hối cải và đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] **Về xử lý vật chứng vụ án:** đối với số tài sản đã chuyển **Công an thành phố C** xử lý theo thẩm quyền và trả lại cho chủ sở hữu, là đúng pháp luật nên không đề cập giải quyết. 01 dấu **Công ty Q1**, 01 dấu “giám đốc **Bùi Quang H1**”, 01 dấu “KT. giám đốc phó giám đốc”, 01 USB token của **Công ty Q1**: đây là con dấu mà các bị cáo lập lên chỉ nhằm mục đích mua bán hoá đơn phục vụ **Công ty**

M để trốn thuế, không thực hiện hoạt động kinh doanh hợp pháp nào - là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 dấu của **Công ty Q1**, 01 dấu “giám đốc **Bùi Quang H1**”, còn cần hoàn thiện chứng từ nộp thuế đối với Nhà nước nên trả lại cho **Công ty Q1**; 03 cây máy tính để bàn đã khai thác thông tin dữ liệu xong, các bị cáo mặc dù có sử dụng để phạm tội, nhưng còn sử dụng để khai thác phần mềm kê khai thuế điện tử hợp pháp với Nhà nước nên tuyên trả lại cho **Công ty M**; 01 điện thoại Iphone 13 Promax, có gắn sim thu của **Phương A**; 02 điện thoại Iphone 8 Plus và 13 promax có gắn sim thu của **P**; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 có gắn sim thu cả **H1**; 01 điện thoại Iphone 11 Promax thu của **P1**, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã cùng nhau, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 9.726.710.806 vào ngân sách nhà nước thông qua kê khai, nộp thuế bổ sung với **Chi cục C3** để khắc phục hậu quả, nên không đề cập giải quyết.

[7] *Về các vấn đề khác*: Đối với các công ty đã mua hàng của **Công ty Q1** và **Q**, quá trình điều tra xác định 02 công ty này bán hàng của **công ty M**, nhưng xuất hóa đơn GTGT của **Công ty Q1** hoặc Quang Huy, việc mua bán hàng hóa là có thật, những công ty mua hàng đó không phạm tội nên không đề cập giải quyết.

Đối với **Cao Minh P** và đồng phạm thành lập **Công ty Q1** và **Công ty Q1** để mua hóa đơn khống và xuất hóa đơn khống cho **Công ty M**, mục đích để **công ty M** trốn thuế, nên hành vi của **P** cùng đồng phạm chỉ phạm tội “Trốn thuế”.

Đối với các công ty : Hùng Mạnh, **Tổ N**, **Cao C2**, **B**, **Việt H5** có hành vi bán hóa đơn khống cho **Công ty Q1** và **Công ty Q1**, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** đã khởi tố vụ án, bị can để điều tra làm rõ.

Đối với **Mạc Thị L** có hành vi nói cho **Cao Minh P** biết việc **L** mua hóa đơn khống ở thành phố Hải Phòng, nhưng không xúi giục hoặc nói cụ thể nơi mua cho **P** biết, **L** cũng không tham gia vào việc mua hóa đơn khống để kê khai trốn thuế cùng nhóm **P**, hiện nay **L** đã bị truy tố về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” và “Trốn thuế” trong vụ án khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đối với các bị cáo.

[8] *Về án phí*: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 (tính tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: bị cáo **Cao Minh P** phạm tội: “Trốn thuế”.

Xử phạt: **Cao Minh P** 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 3 (tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: các bị cáo **Vũ Văn C**, **Trần Thị Phương A**, **Bùi Quang H1** phạm tội: “Trốn thuế”.

Xử phạt: **Vũ Văn C** 21 (hai mươi một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Trần Thị Phương A** 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: **Bùi Quang H1** 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 3 (tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: bị cáo **Phạm Thị P1** phạm tội: “Trốn thuế”.

Xử phạt: **Phạm Thị P1** 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 3 (tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 1) Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Thu H3** phạm tội: “Trốn thuế”.

Xử phạt: **Nguyễn Thu H3** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Giao các bị cáo **Cao Minh P**, **Trần Thị Phương A**, **Vũ Văn C** cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Bùi Quang H1** cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo **Phạm Thị P1** cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo **P**, **Phương A**, **C**, **H1**, **P1** có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Luật thi hành án hình sự. “Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo **Cao Minh P**, **Vũ Văn C**, **Trần Thị Phương A**, **Bùi Quang H1**, **Phạm Thị P1**, **Nguyễn Thu H3**.

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy: 01 dấu hình chữ nhật vỏ bằng nhựa màu đỏ, đen có hình dấu “KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC”, 01 chiếc USB token thu giữ của Công ty Q1 đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong, 01 con dấu hình tròn của Công ty TNHH Q1, 01 con dấu chức danh “Giám đốc Bùi Quang H1”. Trả lại cho Công ty M 01 cây máy tính nhãn hiệu Goldencom (dán số 5) đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong, 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu COMPAQ đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong, 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu ORIENT đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong; trả lại cho công ty Q1 01 con dấu tròn vỏ bằng nhựa màu đỏ, trắng, đen có hình dấu “CÔNG TY TNHH VẬT TƯ Ô TÔ QUANG HUY”, 01 con dấu hình chữ nhật vỏ bằng nhựa màu đỏ, đen có hình dấu “GIÁM ĐỐC Bùi Quang H1”; trả lại cho: Cao Minh P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen (kèm theo 01 sim) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 promax, màu ghi (kèm theo 01 sim). Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong; Trần Thị Phương A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh (kèm theo 01 sim). Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong; Bùi Quang H1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13, màu đỏ (kèm theo 01 sim). Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong; Phạm Thị P1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 promax, màu trắng (kèm theo 01 sim). Điện thoại đã qua sử dụng, đã cũ, không kiểm tra được chất lượng bên trong.

(Tình trạng vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 56/BB-THA, ngày 30 /01/2024 giữa Công an thành phố C và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Cao Minh P, Vũ Văn C, Trần Thị Phương A, Bùi Quang H1, Phạm Thị P1 và Nguyễn Thu H3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CQCSĐT Công an TP. Cẩm Phả;
- CQTHAHS Công an TP. Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

Hoàng Văn Thái